

Số: /2024/QĐ-UBND Quảng Trị, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô;

Căn cứ Thông báo số -TB/TU ngày / /2024 của Tỉnh ủy Quảng Trị thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh tại Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày/ /2024 về việc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định số lượng, chủng loại, phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung cho Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố.

2. Quyết định này không áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng

nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; các sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh; các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố.

2. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung

Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung trên địa bàn tỉnh Quảng Trị được quy định như sau:

1. Phụ lục I: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của Văn phòng cấp tỉnh (Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

2. Phụ lục II: Tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ đặc thù.

3. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung căn cứ phạm vi hoạt động, tính chất công việc, nhu cầu sử dụng để đề xuất trang bị xe ô tô bảo đảm cơ cấu chủng loại hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả.

Số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung ban hành tại Quyết định này được ổn định trong thời gian 05 năm (kể từ ngày Quyết định có hiệu lực).

Điều 4. Phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung

1. Giao Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quản lý, thực hiện bố trí xe ô tô để phục vụ công tác chung của đơn vị theo quy định.

2. Đối với các đơn vị được giao trực tiếp quản lý xe ô tô tại Khoản 1 Điều này mà có đơn vị thuộc, trực thuộc thì Thủ trưởng đơn vị quy định tại Khoản 1 Điều này quyết định phương thức quản lý tập trung hoặc phương thức quản lý trực tiếp hoặc kết hợp cả hai phương thức cho phù hợp.

3. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp huyện (sau khi xin ý kiến của các cơ quan liên quan theo Quy chế làm việc của Huyện ủy) quyết định định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; quyết định phương thức quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng xe ô tô:

a) Quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác theo đúng quy định của Luật quản lý sử dụng tài sản công, đảm bảo tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo Quyết định này. Hoàn thiện đầy đủ hồ sơ pháp lý về xe ô tô theo quy định.

b) Thực hiện rà soát sắp xếp lại và đề xuất phương án xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung dôi dư (nếu có) thuộc phạm vi quản lý theo quy định.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc kiến nghị đề xuất, kịp thời phản ánh Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố:

Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, ban hành quyết định định mức cụ thể của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện; quyết định việc quản lý xe ô tô phục vụ công tác chung theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô.

3. Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định về quản lý, sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Xây dựng Kế hoạch sắp xếp lại, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

c) Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện mua sắm, xử lý xe ô tô phục vụ công tác chung thuộc phạm vi quản lý theo quy định pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và đảm bảo lộ trình theo kế hoạch sắp xếp lại, xử lý xe ô tô.

d) Kết thúc chu kỳ ổn định, Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh xác định lại số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định. Việc điều chỉnh số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung trong chu kỳ ổn định chỉ áp dụng trong trường hợp có thay đổi về cơ cấu tổ chức theo quy định tại Khoản 6 Điều 3 Nghị định số 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 của Chính phủ.

4. Sở Nội vụ:

Hướng dẫn các cơ quan trong việc bố trí, sắp xếp công việc, giải quyết chế độ, chính sách cho lái xe và xử lý các khó khăn, vướng mắc có liên quan khi các xe ô tô được sắp xếp, xử lý theo quy định; báo cáo UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo đối với những nội dung vượt thẩm quyền.

5. Kho bạc Nhà nước tỉnh:

Căn cứ số lượng, chủng loại xe ô tô phục vụ công tác chung kèm theo

Quyết định này, thực hiện kiểm soát chi đối với các nội dung liên quan đến mua sắm, sửa chữa, thanh lý và các hình thức xử lý khác đối với xe ô tô của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng quy định pháp luật.

Điều 6. Hiệu lực thi hành:

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2024. Các Quyết định đã ban hành trước đây về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh hết hiệu lực thi hành.

2. Các Chánh Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TCTM.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục I

TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA KHỐI VĂN PHÒNG CẤP TỈNH; SỞ, BAN, NGÀNH VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP TỈNH; ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TỈNH, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRÍ - XÃ HỘI CẤP TỈNH; ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TRỰC THUỘC UBND TỈNH; CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương	Số lượng	Chủng loại
A. CẤP TỈNH		89	
I	Khối các Văn phòng cấp tỉnh	15	
1	Văn phòng Tỉnh ủy	5	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) Trong đó: có 01 xe ô tô 2 cầu có công suất lớn để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù theo Khoản 2 Điều 15 Nghị định 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ
2	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	5	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
3	Văn phòng UBND tỉnh	5	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải) Trong đó: có 01 xe ô tô 2 cầu có công suất lớn để thực hiện các nhiệm vụ đặc thù theo Khoản 2 Điều 15 Nghị định 72/2023/NĐ-CP của Chính phủ

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương	Số lượng	Chủng loại
II	Khối Sở, ban, ngành và tương đương cấp tỉnh (bao gồm cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc)	59	
1	Sở Công Thương	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
2	Sở Giáo dục và Đào tạo	6	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
3	Sở Giao thông vận tải	5	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
4	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
5	Sở Khoa học và Công nghệ	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	3	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
7	Sở Nội vụ	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
9	Sở Ngoại vụ	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
10	Sở Tư pháp	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
11	Sở Tài chính	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
12	Sở Tài nguyên và Môi trường	4	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương	Số lượng	Chủng loại
13	Sở Thông tin và Truyền thông	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
14	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
15	Sở Xây dựng	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
16	Sở Y tế	13	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
17	Thanh tra tỉnh	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
18	Ban Dân tộc	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
19	Ban Quản lý các Khu kinh tế tỉnh	3	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
III	Khối Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh (bao gồm đơn vị thuộc, trực thuộc)	6	
1	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
2	Tinh đoàn	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
3	Hội Nông dân	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
4	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
5	Hội Cựu chiến binh tỉnh	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương	Số lượng	Chủng loại
IV	Khối đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh	9	
1	Trường Cao đẳng sư phạm	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
2	Trường Cao đẳng Y tế	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
3	Trường Cao đẳng Kỹ thuật	1	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
4	Đài Phát thanh - truyền hình tỉnh	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
5	Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng tỉnh	3	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
B. CẤP HUYỆN		65	
1	Thành phố Đông Hà	6	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
2	Thị xã Quảng Trị	6	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
3	Huyện Vĩnh Linh	8	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
4	Huyện Gio Linh	7	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
5	Huyện Triệu Phong	7	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
6	Huyện Hải Lăng	7	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
7	Huyện Cam Lộ	6	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương	Số lượng	Chủng loại
8	Huyện Đakrông	8	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
9	Huyện Hướng Hoá	8	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
10	Huyện Đảo Cồn Cỏ	2	Xe 04 đến 16 chỗ ngồi (bao gồm cả xe ô tô bán tải)
TỔNG CỘNG		154	

Phụ lục II**TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC SỬ DỤNG XE Ô TÔ PHỤC VỤ CÔNG TÁC CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN,
ĐƠN VỊ ĐƯỢC GIAO NHIỆM VỤ ĐẶC THÙ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Chủng loại
I	Xe phục vụ hoạt động kiểm lâm và phòng chống cháy rừng	17	
1	Chi cục Kiểm lâm	2	Bán tải
2	Đội Kiểm lâm cơ động và PCCCR	1	Bán tải
3	Hạt Kiểm lâm Triệu Phong - thị xã Quảng Trị	1	Bán tải
4	Hạt Kiểm lâm Hải Lăng	1	Bán tải
5	Hạt Kiểm lâm Gio Linh - Cồn Cỏ	1	Bán tải
6	Hạt Kiểm lâm Vĩnh Linh	1	Bán tải
7	Hạt Kiểm Lâm Hướng Hóa	1	Bán tải
8	Hạt Kiểm lâm KBTTN Đakrông	1	Bán tải

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Chủng loại
9	Hạt Kiểm lâm KBTTN Bắc Hướng Hóa	1	Bán tải
10	Hạt Kiểm lâm Đakrông	1	Bán tải
11	Hạt Kiểm lâm Cam Lộ - thành phố Đông Hà	1	Bán tải
12	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Bắc Hướng Hóa	1	Bán tải
13	Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông	1	Bán tải
14	Ban quản lý rừng phòng hộ Hướng Hóa - Đakrông	1	Bán tải
15	Ban quản lý rừng phòng hộ Lưu vực sông Thạch Hãn	1	Bán tải
16	Ban quản lý rừng phòng hộ Lưu vực sông Bến Hải	1	Bán tải
II	Xe phục vụ hoạt động chống dịch trong nông nghiệp	3	
1	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	1	Bán tải
2	Chi cục Thủy Sản	1	Bán tải
3	Chi cục Chăn nuôi và thú y	1	Bán tải
III	Xe phục vụ người có công, bảo trợ xã hội	2	
1	Trung tâm Điều dưỡng Người có công và BTXH	1	12-16 chỗ

STT	Cơ quan, đơn vị, tổ chức	Số lượng	Chủng loại
2	Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp 1	1	12-16 chỗ
IV	Xe phục vụ hoạt động điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường	1	
1	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	1	Bán tải
V	Xe phục vụ hoạt động phân giới cắm mốc	1	
1	Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường	1	Bán tải
TỔNG CỘNG		24	